

Số: 92/QĐ-YT

Đơn Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
(sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐƠN DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-SYT ngày 12/8/2025 của Sở Y tế Lâm Đồng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính kế toán Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách được giao năm 2025 (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp) như sau:

- Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, hoạt động sự nghiệp: 38.000.000.000 đồng
- Ngân sách cấp thực hiện tự chủ: 26.603.078.163 đồng.
- Ngân sách cấp không thực hiện chế độ tự chủ: 7.350.266.800 đồng.

Tổng cộng: **71.953.344.963** đồng (Bảy mươi một tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn, chín trăm sáu mươi ba đồng.).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng TCKT; các khoa, phòng, trạm y tế và toàn thể viên chức, người lao động của Trung tâm Y tế Đơn Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, PTTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Bôn

BẢNG CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO

(sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)
(Kèm theo quyết định số 92/QĐ-YT ngày 14 tháng 08 năm 2025)

ĐVT: đồng

T T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 (đã giao trước sáp nhập)	Dự toán kinh phí đã sử dụng	Dự toán kinh phí còn lại chưa sử dụng
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NGUỒN THU DỊCH VỤ KBCB, THU SỰ NGHIỆP	38.000.000.000		
1	Số thu dịch vụ khám chữa bệnh, theo yêu cầu	38.000.000.000		
	Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	34.000.000.000		
	Thu hoạt động sự nghiệp	4.000.000.000		
2	Số chi dịch vụ khám chữa bệnh, theo yêu cầu	38.000.000.000		
	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	12.845.000.000		
	Chi hoạt động	20.264.300.000		
	Chi mua sắm	250.000.000		
	Các khoản chi thường xuyên khác	600.000.000		
	Trích cải cách tiền lương	2.689.600.000		
	Trích lập quỹ	1.221.100.000		
	Nộp thuế	130.000.000		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	33.953.344.963		
I	KINH PHÍ CẤP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ	26.603.078.163	14.254.291.578	12.348.786.585
1	Hệ điều trị	6.259.078.163	3.952.940.640	2.306.137.523
	Trong đó: + Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	5.447.078.163	3.556.111.366	1.890.966.797
	+ Chi khác	812.000.000	396.829.274	415.17.726
2	Hệ dự phòng	5.194.000.000	2.187.428.944	3.006.571.056
	Trong đó: + Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	4.277.000.000	2.124.521.744	2.152.478.256
	+ Chi khác	917.000.000	92.907.200	854.092.800
3	Hệ xã	12.290.000.000	6.818.795.932	5.471.204.068

	Trong đó: + Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	10.970.000.000	6.057.171.136	4.912.828.864
	+ Chi khác	1.320.000.000	761.624.796	558.375.204
4	Dân số	2.445.000.000	880.126.062	1.564.873.938
	Trong đó: + Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	1.963.000.000	861.103.854	1.101.896.146
	+ Chi khác	482.000.000	19.022.208	462.977.792
5	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024	415.000.000	415.000.000	
	Trong đó: + Hệ dự phòng	98.000.000	98.000.000	
	+ Hệ xã	264.000.000	264.000.000	
	+ Hệ dân số	53.000.000	53.000.000	
II	KINH PHÍ CẤP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KHỔNG TỰ CHỦ	7.350.266.800	1.381.099.944	5.969.166.856
1	Hệ dự phòng- Khoản 131	2.251.000.000	46.228.332	2.204.771.668
	Kinh phí hoạt động y tế dự phòng và dân số phát triển	2.251.000.000	46.228.332	2.204.771.668
2	Hệ điều trị- Khoản 132	1.258.021.800	0	1.258.021.800
	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất năm 2025	1.257.000.000	0	1.257.000.000
	Kinh phí luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	1.021.800	0	1.021.800
3	Y tế khác- Khoản 139	2.862.000.000	884.187.612	1.977.812.388
	Y tế thôn bản	1.109.000.000	554.580.000	554.420.000
	Kinh phí hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo	1.753.000.000	329.607.612	1.423.392.388
4	Hệ dân số - Khoản 151	901.000.000	450.684.000	450.316.000
	Phụ cấp cộng tác viên dân số	901.000.000	450.684.000	450.316.000
5	Chương trình mục tiêu	78.245.000	0	78.245.000
	KP CTMTQG giảm nghèo bền vững- dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng – Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng – Ngân sách Trung ương	8.440.000	0	8.440.000
	KP CTMTQG giảm nghèo bền vững- dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng – Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng – Ngân sách địa phương	69.805.000	0	69.805.000